TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20 /2021/HNGĐ-ST
Ngày: 06-12-2021.
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Thuý
2. Bà Nguyễn Thị Phương Thuý.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa*: Bà Lê Ngọc Kim Loan– Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 12 năm 2021, tại hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2021 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2021/QĐXX-ST ngày 25 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đào Thị H, sinh năm 1986.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Tổ dân phố 1, thị trấn S.C, huyện Đ.H, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1979.

Nơi đăng ký HKTT: Tổ dân phố 1, thị trấn S.C, huyện Đ.H, tỉnh Thái Nguyên.

Chỗ ở hiện nay: Số nhà 61, đường 4, Spring 8, Dubai – Các tiểu vương quốc Ả rập Thống nhất (UAE). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn Chị Đào Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thành Đ có đăng ký kết hôn tháng 7 năm 2011 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, không bị ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn S.C, huyện Đ.H, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam và có được tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương.

Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau tại nhà mẹ đẻ chị H, thời gian đầu vợ chồng chung sống vui vẻ, hạnh phúc. Sau đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Theo chị H thì anh Đ không có trách nhiệm với gia đình, không có ý thức vun vén

hạnh phúc gia đình, giữa hai vợ chồng không có tiếng nói chung. Đến năm 2014 anh Đ đi lao động xuất khẩu ở nước ngoài, bản thân anh và chị H không có sự bàn bạc về công việc cũng như tài chính. Chị H nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc và bản thân không được tôn trọng. Chị xác định vợ chồng không còn tình cảm nên chị có nguyện vọng được ly hôn với anh Đ để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Quang M, sinh ngày 19/10/2012. Do cháu M từ bé vẫn ở với chị nên khi ly hôn chị H có nguyện vọng được nuôi cháu M, yêu cầu anh Đ có trách nhiệm cấp dưỡng cho cháu đến khi cháu trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản trả lời quan điểm giải quyết vụ án ly hôn của bị đơn anh Nguyễn Thành Đ gửi Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam. Anh Đ xác định về quan hệ hôn nhân phù hợp với lời khai của chị H. Về mâu thuẫn vợ chồng anh xác định trong quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn do hai bên thường xuyên bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Từ năm 2014 anh đã đi lao động xuất khẩu tại Dubai – UEA, vợ chồng đã ly thân từ đó cho đến nay. Anh cũng xác định vợ chồng không còn tình cảm, nên việc chị H xin ly hôn anh nhất trí.

Về con chung: Có 01 con như chị H đã khai là đúng. Khi ly hôn anh và chị H đã có sự bàn bạc và thoả thuận con sẽ ở với chị H, do hiện nay anh không ở Việt Nam. Hàng tháng anh có trách nhiệm gửi tiền về nuôi dưỡng để chị H chăm sóc con với số tiền hàng tháng là 06 (sáu) triệu Việt Nam đồng hoặc hơn nữa nếu anh có điều kiện. Sau này khi anh về Việt Nam anh sẽ nhận nuôi cháu M. Trường hợp khi đó cháu M có nguyện vọng khác thì anh và chị H sẽ tôn trọng và đồng ý với quyết định và nguyện vọng của con. Anh sẽ có trách nhiệm chu cấp tiền cho cháu đến tuổi trưởng thành (18 tuổi).

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Anh Đ xác định không có.

Hiện nay, do anh đang ở nước ngoài nên anh không thể về Việt Nam trực tiếp giải quyết việc ly hôn với chị H được, anh có đề nghị xem xét giải quyết vắng mặt anh trong các buổi làm việc và tại phiên xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại Công văn số 6338/CAT(PA01/XNC) ngày 23/7/2021 của Công an tỉnh Thái Nguyên xác định anh Nguyễn Thành Đ đã xuất cảnh nhiều lần, lần gần nhất anh Đ xuất cảnh ngày 01/5/2019 qua cửa khẩu nội bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở lại. Hội đồng xét xử xác định, đây là vụ án yêu cầu ly hôn có yếu tố nước ngoài, thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, theo quy định tại Điều 37 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn hiện đang nước ngoài có địa chỉ cụ thể, không đến Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên để tham gia tố tụng, căn cứ Điều 207 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải được. Bị đơn nhận được đầy đủ các văn bản của Tòa án và đã có văn bản trình bày quan điểm gửi Tòa án thể hiện ý kiến của mình về việc giải quyết vụ án và đồng thời đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228, khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Hôn nhân giữa Chị Đào Thị H và anh Nguyễn Thành Đ trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn S.C, huyện Đ.H, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do trong cuộc sống giữa chị H và anh Đ thường bất đồng quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói chung. Từ đầu năm 2014 anh Đ đi sang Dubai để lao động xuất khẩu vợ chồng lại càng xa cách, chị H và anh Đ đã sống ly thân nhau từ năm 2014 đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Chị H làm đơn xin ly hôn với anh Đ, anh Đ nhất trí.

Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh Đ đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị Đào Thị H, cho chị H được ly hôn với anh Đ là phù hợp Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam.

[3] Về con chung: Quá trình giải quyết vụ án chị H và anh Đ đều xác định có 01 con chung là Nguyễn Quang M, sinh ngày 19/10/2012, khi ly hôn chị H có nguyện vọng được nuôi cháu M, yêu cầu anh Đ cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung cho đến khi cháu M trưởng thành. Anh Đ nhất trí để chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Anh Đ sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng con chung hàng tháng là 6.000.0000đ/tháng cho đến khi cháu M trưởng thành (18 tuổi). Sau này anh Đ về nước anh sẽ là người nuôi cháu. Hội đồng xét xử nhận thấy do hiện nay anh Đ đang ở nước ngoài không trực tiếp chăm sóc cho con chung được. Để đảm bảo điều kiện tốt nhất của trẻ khi cha mẹ ly hôn, Hội đồng xét xử giao con chung là cháu Nguyễn Quang M, sinh ngày 19/10/2012 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và phù hợp với nguyện vọng của cả hai bên cũng như nguyện vọng của cháu Nguyễn Quang M xin được ở với chị H. Đảm bảo đúng quy định của pháp luật tại Điều 83; 84 Luật hôn nhân gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị H yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi chung. Anh Đ nhất trí cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H mỗi tháng là 6.000.000đồng cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa chị H nhất trí.

Xét thấy, anh Đ đã tự nguyên cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H mỗi tháng là 6.000.000đồng cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi là hoàn toàn tự nguyện. Điều đó đã được thể hiện tại văn bản trả lời quan điểm về việc giải quyết ly hôn của anh Nguyễn Thành Đ, có xác nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại các Tiểu vương quốc Ả Rập thống nhất (UAE). Do vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của anh Đ về mức cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Đ có trách nhiệm cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung hàng tháng cho chị H là 6.000.000đ/tháng cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi.

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung và được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác khi các bên đương sự có yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H xác định không có và không yêu cầu giải quyết. Phía anh Đ trong văn bản thể hiện ý kiến, quan điểm của mình cũng xác định không có tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Các bên đương sự cũng có quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác khi có đủ căn cứ và có yêu cầu.

Án phí: Chị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Đ phải chịu 300.000đ án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Các đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật tại Điều 68, 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, cho chị H được ly hôn anh Đ. Con chung: Giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh Đ có trách nhiệm cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung hàng tháng là 6.000.000đ/tháng cho đến khi con chung trưởng thành. Về tài sản chung, nợ chung hai bên đều xác định không có nên không giải quyết. Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, anh Đ phải chịu án phí về việc cấp dưỡng nuôi con chung. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên là có căn cứ.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 28, 37, khoản 2 Điều 38, Điều 147, Điều 207, Khoản 1 Điều 228 và khoản 5 Điều 477 và Điều 479 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, Điều 127 Luật hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của Chị Đào Thị H đối với anh Nguyễn Thành Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Thành Đ.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Quang M, sinh ngày 19/10/2012 cho chị H tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Anh Đ có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Thành Đ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Quang M, sinh ngày 19/10/2012 cho chị H mỗi tháng 6.000.000đồng

(sáu triệu đồng) tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi hoặc hai bên có sự thay đổi khác.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Án phí: Chị H phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm sung quỹ nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp, biên lai số 0000003 ngày 01/10/2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên. Anh Đ phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí về việc cấp dưỡng nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

Chị H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Đ được quyền kháng cáo trong hạn một tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

<u>Nơi nhận</u>:
- *VKSND tỉnh;*
- *Cục THADS tỉnh;*
- *UBND TT S.C;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Hồng Phương